



A handwritten signature in black ink, appearing to be a stylized 'X' or a similar mark.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC	10
THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐƯỢC HOÀN LẠI, ĐƯỢC GIẢM	10
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ (sau đây gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ được thành lập theo Quyết định số 2131/QĐ – BGTVT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103015225 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 14 tháng 06 năm 2012, Vốn điều lệ của Công ty là 11.550.000.000 đồng (Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã đăng ký với Uỷ ban Chứng khoán là Công ty đại chúng và đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng từ tháng 06 năm 2007.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải.
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Lập tổng mức đầu tư dự án, lập dự toán và tổng dự toán.
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ.
- Thiết kế các công trình cầu, hầm.
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu.
- Thiết kế công trình đường sắt.
- Thiết kế cáp thoát nước công trình xây dựng.
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông.
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất, thủy văn.
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thảm tra: Hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).
- Khảo sát thủy văn, môi trường.
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình.
- Khảo sát trắc địa công trình.
- Điều tra phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông.
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CHÍNH (tiếp theo)

- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm công trình.
- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Sửa chữa thiết bị đo đạc.
- Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 30 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Bích	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Văn Thọ	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Văn Chí	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Duy Khôi	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Văn Thọ	Giám đốc
Ông Vũ Văn Chí	Phó Giám đốc
Ông Phạm Duy Khôi	Phó Giám đốc
Ông Lê Huy Thắng	Phó Giám đốc

Bổ nhiệm từ ngày 01/05/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA, Thành viên Hàng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Thọ
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Số: 452/2014/P1/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ (“Công ty”), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 7 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số 0147-2013-137-1

Bùi Ngọc Bình
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số 0657-2013-137-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIA
Thành viên Hạng Kiểm toán Quốc tế Integra International
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.045.737.085	35.170.304.321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	15.165.438.660	12.122.417.231
1. Tiền	111		15.165.438.660	12.122.417.231
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.214.598.894	19.264.347.962
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	15.814.962.798	19.729.809.080
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	746.418.182	698.418.182
3. Các khoản phải thu khác	135		9.044.800	9.044.800
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.355.826.886)	(1.172.924.100)
III. Hàng tồn kho	140		1.516.256.367	3.178.717.398
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.516.256.367	3.178.717.398
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.149.443.164	604.821.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	7.686.000
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	386.679.582	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	762.763.582	597.135.730
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.111.947.854	4.247.339.924
I. Tài sản cố định	220		1.664.658.813	2.076.406.363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.664.658.813	2.076.406.363
- Nguyên giá	222		4.918.067.407	6.108.602.870
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(3.253.408.594)	(4.032.196.507)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	-
- Nguyên giá	228		120.560.000	144.485.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(120.560.000)	(144.485.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.447.289.041	2.170.933.561
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.447.289.041	2.170.933.561
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.157.684.939	39.417.644.245

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.642.960.698	22.828.749.714
I. Nợ ngắn hạn	310		17.642.960.698	22.828.749.714
1. Phải trả người bán	312	V.10	4.577.258.243	4.320.508.707
2. Người mua trả tiền trước	313	V.11	4.945.972.349	5.246.594.437
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	783.683.069	4.974.625.770
4. Phải trả người lao động	315		4.223.200.000	3.726.229.000
5. Chi phí phải trả	316	V.13	418.358.146	1.213.113.055
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	2.693.888.891	3.333.978.745
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		600.000	13.700.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.514.724.241	16.588.894.531
I. Vốn Chủ sở hữu	410	V.15	17.514.724.241	16.588.894.531
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.550.000.000	11.550.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.045.502.300	1.110.958.365
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		843.389.166	671.203.166
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.075.832.775	3.256.733.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.157.684.939	39.417.644.245

Người lập biểu

Phạm Thị Hiển

Kế toán trưởng

Bùi Thị Vân

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Giám đốc



Hoàng Văn Thọ

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	62.013.172.785	60.889.472.106
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.013.172.785	60.889.472.106
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	44.307.698.640	44.287.457.174
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.705.474.145	16.602.014.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	755.947.845	525.722.808
7. Chi phí tài chính	22		48.155.789	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.767.436.475	13.016.106.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.645.829.726	4.111.631.701
11. Thu nhập khác	31		46.772.727	205.385.038
12. Chi phí khác	32		72.387.365	2.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(25.614.638)	203.385.038
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.620.215.088	4.315.016.739
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.04	1.486.170.378	871.286.804
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.134.044.710	3.443.729.935
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.713	2.982

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền

Bùi Thị Vân

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Giám đốc



Hoàng Văn Thọ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số còn phải nộp cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	4.974.625.770	7.285.205.726	11.862.828.009	397.003.487
1 Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.958.289.501	5.167.480.082	9.512.449.165	(386.679.582)
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp	625.148.527	1.486.170.378	1.559.598.936	551.719.969
3 Thuế thu nhập cá nhân	390.062.672	429.471.206	587.570.778	231.963.100
4 Tiền thuê đất	1.125.070	199.084.060	200.209.130	-
5 Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-

**THUẾ GTGT ĐƯỢC KHÁU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI, THUẾ GTGT ĐƯỢC GIẢM,
THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2013
I. Thuế GTGT được khấu trừ	
1 Thuế GTGT còn được khấu trừ, được hoàn lại đầu năm	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	1.037.763.769
3 Thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu	1.037.763.769
4 Thuế GTGT còn được khấu trừ, được hoàn lại cuối năm	-
II. Thuế GTGT hàng bán nội địa	
1 Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu năm	3.958.289.501
2 Thuế GTGT đầu ra phát sinh	6.205.243.851
3 Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	1.037.763.769
4 Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	-
5 Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách	9.512.449.165
6 Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối năm	(386.679.582)

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hiền

Bùi Thị Vân



Hoàng Văn Thọ

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Đơn vị: VND	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			67.959.289.053	60.509.976.596
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02			(14.518.198.240)	(7.782.947.635)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			(24.652.786.000)	(22.981.825.585)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(1.559.598.936)	(981.500.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			4.259.070.777	2.775.491.145
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			(27.398.309.299)	(21.204.511.977)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			4.089.467.355	10.334.682.544
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(290.400.000)	(15.220.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			45.772.727	18.836.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-	(20.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-	21.750.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			755.947.845	525.722.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			511.320.572	1.879.338.445
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1.557.766.498)	(1.563.891.673)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(1.557.766.498)	(1.563.891.673)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50			3.043.021.429	10.650.129.316
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01		12.122.417.231	1.472.287.915
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01		15.165.438.660	12.122.417.231

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập biếu

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hiển

Bùi Thị Vân

Hoàng Văn Thảo

Các *Thuyết minh* từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ là thành viên của Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (TEDI) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Thiết kế Đường bộ theo Quyết định số 2131/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103015225 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 14 tháng 06 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 11.550.000.000 đồng (Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Công ty đã đăng ký với Uỷ ban Chứng khoán là Công ty đại chúng và đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng từ tháng 06 năm 2007.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết giao thông vận tải.
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Lập tổng mức đầu tư dự án, lập dự toán và tổng dự toán.
- Thiết kế các công trình giao thông cầu, đường bộ.
- Thiết kế các công trình cầu, hầm.
- Thiết kế các công trình xây dựng cầu.
- Thiết kế công trình đường sắt.
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông.
- Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất, thủy văn.
- Thiết kế nền, xử lý nền: đối với công trình xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thẩm tra: Hồ sơ khảo sát, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).
- Khảo sát thủy văn, môi trường.
- Khảo sát địa chất thủy văn, địa chất công trình.
- Khảo sát trắc địa công trình.
- Điều tra phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông.
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp.
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Kiểm định, thử tải công trình (chỉ hoạt động khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật).
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và thí nghiệm công trình.
- Tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề).
- Sửa chữa thiết bị đo đạc.
- Phân tích, nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán - Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh dòng tiền của doanh nghiệp bao gồm tiền thu và chi của Công ty.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 25/4/2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 10/6/2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013, thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng và thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC cho năm tài chính hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính: Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Năm 2012 và 2013, Công ty ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo chi phí thực tế phát sinh của các công trình đang thực hiện dở dang và chưa được nghiệm thu tại ngày 31/12/2013.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 08 năm

8. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch tăng vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ kê toán khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2005 theo quyết định số 1942/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty thực hiện phân bổ lợi thế thương mại trong vòng 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn gồm: công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí dịch vụ hỗ trợ quản lý và phát triển thương hiệu với Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT năm 2013 và chi phí B phụ của công trình Tư vấn khảo sát Thiết kế kỹ thuật lập Dự toán Hồ sơ mời thầu cắm cọc giải phóng mặt bằng và mốc lô giới phân đoạn DA cải tạo nâng cấp QL 31.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình đường giao thông được ghi nhận trên cơ sở biên bản nghiệm thu quyết toán từng công trình hoặc biên bản nghiệm thu thanh toán từng hạng mục công trình và hóa đơn đã xuất. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thông báo nhận khoản lãi.

Các khoản ứng trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

11. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên còn lại trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ
 Số 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐÓI
KẾ TOÁN**

V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	128.155.649	88.221.890
Tiền gửi ngân hàng	15.037.283.011	12.034.195.341
Cộng	15.165.438.660	12.122.417.231

V.02 Phải thu khách hàng

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT	1.421.611.000	1.421.611.000
Ban Quản lý dự án 6 (Ban Biển Đông)	-	1.150.459.000
Ban Quản lý các DAGT Hà Nam	911.270.826	1.199.092.185
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco5	939.079.757	939.079.757
Ban QLDA CTGT Vĩnh Phúc	593.358.000	617.743.000
Công ty Cổ phần XD Tasco	2.315.230.000	1.134.148.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	471.663.000	471.663.000
Sở GTVT Bình Định	614.302.000	772.439.000
Khu Quản lý Đường bộ, Đường thuỷ Đồng Nai	431.403.167	4.314.025.167
Ban QLDA ĐT & XD GT Quảng Trị	1.322.119.210	1.902.791.333
Ban Quản lý Dự án Thuỷ điện 5	1.003.932.429	26.125.400
Ban Quản lý Dự án Thuỷ điện 6	-	642.553.269
Ban Quản lý các DAGT Hải Dương	986.353.900	899.603.900
Phải thu khách hàng khác	4.804.639.509	4.238.475.069
Cộng	15.814.962.798	19.729.809.080

V.03 Trả trước cho người bán

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Đường Sắt	160.000.000	160.000.000
Công ty CP Long Việt	65.000.000	65.000.000
Công ty CP TV ĐT & PT Công nghệ XD - ICB	110.000.000	110.000.000
Người bán khác	411.418.182	363.418.182
Cộng	746.418.182	698.418.182

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ
Số 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN (tiếp theo)**

V.04 Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.516.256.367	3.178.717.398
<i>Khảo sát, TKKT 3 nút giao Yên Bình, Phố Yên, Tân Lập thuộc DAXD QL3 mới và hệ thống đường bộ Hà Nội - Thái Nguyên</i>	-	753.091.818
<i>Khảo sát, TKBVTC và Lập dự toán đường, hè, cây xanh, thoát nước mưa DA ĐTXD đường 62m kéo dài (gđ2)</i>	410.242.818	410.242.818
<i>Khảo sát, lập DA ĐTXDCT cải tạo, nâng cấp đường 388, huyện Kim Thành, Hải Đường</i>	332.270.164	332.270.164
Các dự án khác	773.743.385	1.683.112.598
Cộng	1.516.256.367	3.178.717.398

V.05 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị Gia tăng nộp thửa	386.679.582	-
Cộng	386.679.582	-

V.06 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng các phòng ban		
Phòng Thủy văn môi trường	2.200.000	8.318.000
Phòng Địa chất	127.653.578	178.796.930
Phòng Khảo sát	497.599.100	210.667.700
Phòng Nền mặt đường	93.556.200	144.824.200
Phòng Thiết kế đường 1	4.484.000	4.721.400
Phòng Thiết kế đường 2	22.738.500	29.638.500
Các phòng và cá nhân khác	14.532.204	20.169.000
Cộng	762.763.582	597.135.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỒ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.07 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	<i>Đơn vị: VND</i> <i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	581.825.350	2.181.863.517	2.351.276.787	993.637.216	6.108.602.870
Tăng trong năm	-	426.352.200	-	40.909.091	467.261.291
Tăng trong năm	-	426.352.200	-	40.909.091	467.261.291
Giảm trong năm	18.321.219	424.543.774	180.385.454	1.034.546.307	1.657.796.754
Thanh lý	-	103.770.464	180.385.454	32.472.000	316.627.918
Giảm khác (*)	18.321.219	320.773.310	-	1.002.074.307	1.341.168.836
Số dư cuối năm	563.504.131	2.183.671.943	2.170.891.333	-	4.918.067.407
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	456.736.332	1.466.918.396	1.305.404.040	803.137.739	4.032.196.507
Tăng trong năm	10.917.181	213.609.329	270.706.333	-	495.232.843
Khâu hao trong năm	10.917.181	213.609.329	270.706.333	-	495.232.843
Giảm trong năm	18.321.219	272.176.344	180.385.454	803.137.739	1.274.020.756
Thanh lý	-	103.770.464	180.385.454	32.472.000	316.627.918
Giảm khác (*)	18.321.219	168.405.880	-	770.665.739	957.392.838
Số dư cuối năm	449.332.294	1.408.351.381	1.395.724.919	-	3.253.408.594
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	125.089.018	714.945.121	1.045.872.747	190.499.477	2.076.406.363
Tại ngày cuối năm	114.171.837	775.320.562	775.166.414	-	1.664.658.813

(*) Các khoản giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.08 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	144.485.000	144.485.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	23.925.000	23.925.000
Giảm khác (*)	23.925.000	-
Số dư cuối năm	120.560.000	120.560.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	144.485.000	144.485.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	23.925.000	23.925.000
Giảm khác (*)	23.925.000	-
Số dư cuối năm	120.560.000	120.560.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

(*) Các khoản giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.

V.09 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giá trị vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	1.447.289.041	2.170.933.561
Cộng	1.447.289.041	2.170.933.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN (tiếp theo)

V.10 Phải trả người bán

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công Ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	381.791.328	522.670.805
Công ty Bảo Minh Thăng Long	102.634.154	420.854.288
Công ty TNHH Tân Hưng	149.547.420	144.072.500
Công ty CP Bảo Hiểm AAA - CN Hải Dương	342.005.548	40.255.544
Chi nhánh Tổng Công ty TVTK GTVT	91.943.096	919.430.963
Công ty CP TVTK Đầu tư Xây dựng I	2.743.439.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện I	155.286.741	462.300.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT	355.514.900	1.122.079.213
Phải trả người bán khác	255.096.056	688.845.394
Cộng	4.577.258.243	4.320.508.707

V.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT	928.000.000	178.000.000
Ban Quản lý dự án 1	720.000.000	-
Ban Quản lý DA CTXD NN & PTNT Phú Thọ	941.598.350	956.736.066
Liên doanh Công ty CP ĐT Văn Phú- Invest & Công ty CP ĐT Hải Phát	632.758.000	632.758.000
Công ty Cổ phần ĐT BDS Thành Đông	474.000.000	474.000.000
Công ty Nippon Koie	-	1.068.272.000
Ban Quản lý các DAGT Hải Dương	610.659.000	685.952.000
Người mua khác	638.956.999	1.250.876.371
Cộng	4.945.972.349	5.246.594.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỒI
KẾ TOÁN (tiếp theo)**

V.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị Gia tăng	-	3.958.289.501
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	551.719.969	625.148.527
Thuế Thu nhập Cá nhân	231.963.100	390.062.672
Tiền thuê đất	-	1.125.070
Cộng	783.683.069	4.974.625.770

V.13 Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả phí quản lý và hỗ trợ thương hiệu	359.322.000	425.076.000
Phải trả nhà thầu phụ	59.036.146	764.037.055
Phí dịch vụ chuyên môn phải trả	-	24.000.000
Cộng	418.358.146	1.213.113.055

V.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	64.269.597	147.413.088
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	99.030.955	153.264.404
Phải trả chi phí sản xuất	2.293.979.422	2.783.072.380
Cỗ túc phải trả	170.718.917	111.485.415
Phải trả khác	65.890.000	138.743.458
Cộng	2.693.888.891	3.333.978.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.15 Vốn Chủ sở hữu

a. Tình hình biến động Vốn Chủ sở hữu

	Vốn Đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2012	11.550.000.000	797.958.365	537.203.166	2.299.925.983	15.185.087.514
Tăng trong năm	-	313.000.000	134.000.000	3.443.729.935	3.890.729.935
Trích lập từ LN sau thuế	-	313.000.000	134.000.000	-	447.000.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	3.443.729.935	3.443.729.935
Giảm trong năm	-	-	-	2.486.922.918	2.486.922.918
Chia cổ tức	-	-	-	1.617.000.000	1.617.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	422.922.918	422.922.918
Trích các quỹ khác	-	-	-	447.000.000	447.000.000
Số dư tại 31/12/2012	11.550.000.000	1.110.958.365	671.203.166	3.256.733.000	16.588.894.531
Số dư tại 01/01/2013	11.550.000.000	1.110.958.365	671.203.166	3.256.733.000	16.588.894.531
Tăng trong năm	-	934.543.935	172.186.000	3.134.044.710	4.240.774.645
Trích lập từ LN sau thuế	-	934.543.935	172.186.000	-	1.106.729.935
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	3.134.044.710	3.134.044.710
Giảm trong năm	-	-	-	3.314.944.935	3.314.944.935
Chia cổ tức	-	-	-	1.617.000.000	1.617.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	591.215.000	591.215.000
Trích các quỹ khác	-	-	-	1.106.729.935	1.106.729.935
Số dư tại 31/12/2013	11.550.000.000	2.045.502.300	843.389.166	3.075.832.775	17.514.724.241

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ
Số 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN (tiếp theo)

V.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

<i>Chủ sở hữu</i>	<i>Vốn điều lệ đăng ký</i>		<i>Vốn điều lệ thực góp</i>	
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>	<i>%</i>
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	5.890.500.000	51%	5.890.500.000	51%
Các cổ đông khác	5.659.500.000	49%	5.659.500.000	49%
Cộng	11.550.000.000	100%	11.550.000.000	151%

c. Cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phát hành	1.155.000	1.155.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	1.155.000	1.155.000
Cổ phiếu phổ thông	1.155.000	1.155.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.155.000	1.155.000
Cổ phiếu phổ thông	1.155.000	1.155.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

d. Lợi nhuận đã chia

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận đã chia	1.617.000.000	1.617.000.000
Cộng	1.617.000.000	1.617.000.000

e. Cổ tức đã trả

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Cổ tức đã chi trả	1.557.766.498	1.563.891.673
Cộng	1.557.766.498	1.563.891.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu đơn vị tự làm	58.802.680.309	55.718.557.022
Doanh thu thuê nhà thầu phụ	3.210.492.476	5.170.915.084
Cộng	62.013.172.785	60.889.472.106

VI.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn đơn vị tự làm	41.097.206.164	39.116.542.090
Giá vốn thuê nhà thầu phụ	3.210.492.476	5.170.915.084
Cộng	44.307.698.640	44.287.457.174

VI.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi	755.947.845	525.722.808
Cộng	755.947.845	525.722.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

VI.04 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.620.215.088	4.315.016.739
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận tính thuế TNDN		
- Điều chỉnh tăng chi phí dự phòng phải thu	1.182.902.786	663.765.000
- Điều chỉnh tăng chi phí không được trừ	141.563.635	-
Tổng thu nhập tính thuế	5.944.681.509	4.978.781.739
Thuế TNDN phải nộp	1.486.170.378	871.286.804
- Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	1.486.170.378	1.244.695.435
- Thuế TNDN được miễn giảm 30%	-	373.408.631
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.134.044.710	3.443.729.935

VI.05 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.788.595.327	15.038.182.846
Chi phí nhân công	25.183.862.000	26.398.307.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	495.232.843	528.272.492
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.817.966.101	1.998.272.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.267.406.062	5.266.887.380
Chi phí khác bằng tiền	7.859.611.751	7.880.174.959
Cộng	56.412.674.084	57.110.097.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.1 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.165.438.660	12.122.417.231
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.468.180.712	18.565.929.780
Tổng cộng	28.633.619.372	30.688.347.011
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.206.877.537	7.507.074.364
Chi phí phải trả	418.358.146	1.213.113.055
Tổng cộng	7.625.235.683	8.720.187.419

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Chi phí nhân công chiếm tỷ lệ khoảng 50% trên tổng chi phí hoạt động của Công ty, chi phí hàng hóa, nguyên vật liệu mua ngoài chiếm tỷ lệ thấp, do đó, Công ty ít chịu các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty trong năm không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro khi tỷ giá có sự biến động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

VII.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty không có các khoản vay dài hạn và ngắn hạn, do đó, Công ty không có rủi ro khi lãi suất có sự biến động.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2013 với số tiền là 2.355.826.886 đồng.

Rủi ro thanh toán

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản hiện tại và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền hiện tại của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013			
	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.165.438.660	-	15.165.438.660
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.468.180.712	-	13.468.180.712
Tổng tài sản tài chính	28.633.619.372	-	28.633.619.372
	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	7.206.877.537	-	7.206.877.537
Chi phí phải trả	418.358.146	-	418.358.146
Tổng công nợ tài chính	7.625.235.683	-	7.625.235.683
Chênh lệch thanh khoản thuần	21.008.383.689	-	21.008.383.689

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

VII.2 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

a. Giao dịch mua bán giữa các bên liên quan

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Các giao dịch bán		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	13.394.604.363	5.955.971.751
Công ty Cổ phần TVXD CTGT 2	-	435.687.273
Các giao dịch mua		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	849.293.800	1.471.591.903
Công ty CP TVTK Giao thông vận tải 4	422.452.537	1.257.050.909
Công ty CP TVTK Cầu Lớn Hầm	-	40.909.091
Chi nhánh TCT TVTK Giao thông Vận tải	-	835.846.330

b. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	1.421.611.000	1.421.611.000
Công ty CP TVTK Giao thông vận tải 4	-	9.744.000
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	355.514.900	1.122.079.213
Chi nhánh TCT TVTK Giao thông Vận tải	91.943.096	919.430.963
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	928.000.000	178.000.000

c. Thu nhập Ban giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương	1.956.438.709	1.868.003.500
Tiền thưởng	191.500.000	140.900.000
Các khoản phụ cấp và thu nhập khác	118.142.000	175.138.240
Cộng	2.266.080.709	2.184.041.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

VII.3 Số liệu so sánh

Số liệu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA – Thành viên Hàng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

VII.4 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niêm độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

Người lập biểu

Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng

Bùi Thị Vân

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Giám đốc



Hoàng Văn Thọ